

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2020

V/v “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Hồng Chiến.

2/ Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 46/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Bé Y, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng H, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Hồ Thị Kim L, sinh năm 1977 (vắng mặt);

3.2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2020, đơn từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 08/7/2020 nguyên đơn chị Đặng Thị Bé Y trình bày:*

Chị và anh Trần Hoàng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy (Phước Ngãi) vào ngày 14/9/2017. Sau khi kết hôn, chị và anh H sống hạnh phúc nhưng đến 2019 thường xảy ra mâu thuẫn do anh H mê cờ bạc, hút ma túy và có quen người phụ nữ khác. Anh H không còn quan tâm vợ con, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm đến chị, do mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2019. Chị nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng H.

Chị và anh Trần Hoàng H có 01 con chung tên: Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/8/2016. Từ khi ly thân, cháu Q do anh H và cha mẹ anh H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Theo bản tự khai, đơn từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 20/5/2020 anh Trần Hoàng H trình bày:*

Vào năm 2015 anh và chị Đặng Thị Bé Y sống chung với nhau đến 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy (Phước Ngãi). Thời gian đầu, anh và chị Y chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 7/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, do anh uống rượu với bạn, đánh bạc và có sử dụng ma túy dẫn đến giữa anh và chị Y có lời qua tiếng lại, chị Y hiểu lầm anh không chung thủy do thấy trong nhóm bạn có nữ chơi chung. Sau sự việc gia đình có khuyên nên anh tự nguyện đăng ký cai nghiện. Do anh còn rất thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Anh và chị Đặng Thị Bé Y có 01 con chung tên: Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/8/2016, từ khi ly thân cháu Q do anh nuôi dưỡng và cha mẹ anh giúp anh trông giữ. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai, đơn từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 11/6/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim L, ông Trần Văn T trình bày: Ông, bà là cha mẹ ruột của anh Trần Hoàng H. Từ khi chị Y mang thai đến khi sinh cháu Q đều sống chung với ông bà. Ông bà phụ chị Y và anh H chăm sóc cháu Q từ lúc nhỏ. Khi chị Y và anh H không có nhà thì ông bà trông giữ cháu Q, hiện cháu Q được ông bà chăm sóc rất tốt, hơn nữa cháu Q đã quen sống*

với ông bà và ông bà có đủ điều kiện giúp anh H nuôi dưỡng cháu Q. Hiện nay, anh H đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy, ông bà cam kết tự nguyện chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cháu Q và sẽ tạo điều kiện để chị Y thăm nom con.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như thành phần quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục, thể hiện vô tư, khách quan. Đối với đương sự, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Toà án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt của các đương sự trên là phù hợp với quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị Bé Y và anh Trần Hoàng H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy (Phước Ngãi) ngày 14/9/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do anh H cờ bạc, hút ma túy và không chung thủy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Con chung cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh 17/8/2016 chị Y đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng; anh H mặc dù đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện nhưng cha mẹ anh H là bà L, ông T cam kết hỗ trợ anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q khi vắng mặt anh H nên anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có căn cứ theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh H. Con chung cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/8/2016 giao cho anh H nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Chị Đặng Thị Bé Y, anh Trần Hoàng H, bà Hồ Thị Kim L, ông Trần Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Y, anh H, bà L, ông T là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bé Y và anh Trần Hoàng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tuy (Phước Ngãi) vào ngày 14/9/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là hợp pháp. Chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, theo biên bản lấy lời khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt thì anh H không đồng ý ly hôn với chị Y. Qua quá trình xác minh và lời trình bày của đương sự thể hiện, chị Y và anh H có xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc anh H chơi cờ bạc, hút ma túy và đôi bên sống ly thân từ tháng 5 năm 2019. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y.

[2] Về con chung: Khi ly hôn, chị Đặng Thị Bé Y đồng ý để anh Trần Hoàng H nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/8/2016 và anh H cũng yêu cầu được nuôi con. Tuy anh H đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy nhưng cha mẹ anh H là bà Hồ Thị Kim L, ông Trần Văn T cam kết hỗ trợ anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q khi anh H không ở nhà nên việc anh H yêu cầu nuôi cháu Q là phù hợp theo Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Đặng Thị Bé Y phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Bé Y đối với anh Trần Hoàng H.

2. Con chung: Anh Trần Hoàng H tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Ngọc Q sinh ngày 17/8/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị Đặng Thị Bé Y cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị Bé Y có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Đặng Thị Bé Y phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008781 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Y đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh

